

HƯỚNG DẪN BHXH

GUIDELINES FOR SOCIAL INSURANCE

QUYỀN LỢI KHI THAM GIA BHXH

STT	QUYỀN LỢI	CHI TIẾT
1	ĐAU ỐM	<u>Page 3</u>
2	THAI SẢN	<u>Page 5</u>
3	BỆNH NGHỀ NGHIỆP – TAI NẠN LAO ĐỘNG	<u>Page 9</u>
4	HƯU TRÍ	<u>Page 13</u>
5	TỬ TUẤT	<u>Page 16</u>

- Điều kiện cơ bản: NLĐ còn đang tham gia BHXH tại thời điểm phát sinh yêu cầu bảo hiểm
- Mức hưởng cơ bản: Căn cứ trên mức lương đóng BHXH của NLĐ

CHẾ ĐỘ ĐAU ỐM

- **Đối tượng:**

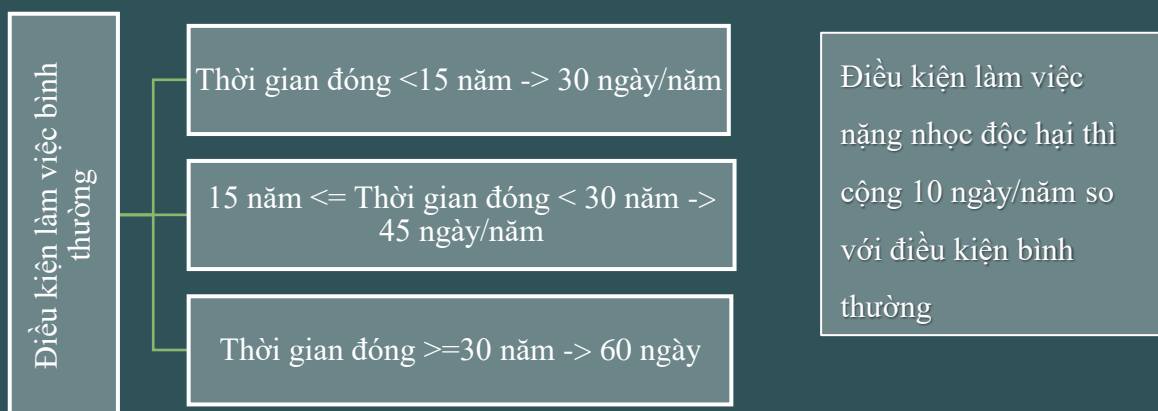
- NLĐ ốm trong thời gian làm việc (bệnh thông thường) – *Không bao gồm Tai nạn lao động, tai nạn do bia rượu, chất kích thích*
- NLĐ ốm (bệnh dài ngày) – *Theo danh mục của Bộ Y Tế*
- Con (dưới 07 tuổi) ốm & NLĐ nghỉ việc để trực tiếp chăm sóc con (trên giấy nghỉ ốm có ghi rõ tên NLĐ).

- **Hồ sơ:**

- **Ốm đau thông thường:** Giấy nghỉ ốm có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền (*Thông tư 56/2017/TT-BYT*)
- **Ốm đau dài ngày:**
 - Giấy ra viện đối với người lao động hoặc con của người lao động nếu điều trị nội trú;
 - Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH nếu điều trị ngoại trú;
 - Giấy khám, chữa bệnh dịch bằng tiếng Việt nếu khám, chữa bệnh ở nước ngoài

- **Thời gian được hưởng:**

- Đau ốm thông thường:



- Đau ốm dài ngày: 180 ngày (bao gồm ngày nghỉ lễ, Tết ...). Trường hợp vượt quá 180 thì tối đa không quá thời gian đóng BHXH

CHẾ ĐỘ ĐAU ỐM

- Nghỉ con ốm:
 - Con dưới 3 tuổi: 20 ngày làm việc
 - Con từ 3 tuổi – 7 tuổi: 15 ngày làm việc
- Mức hưởng - ốm đau thông thường – con ốm:

Mức hưởng chế độ ốm đau	=	75%* Lương tháng đóng BHXH liền trước*Số ngày được hưởng
		24

- Mức hưởng - ốm đau dài ngày:

Trong 180 ngày đầu (6 tháng)		Mức hưởng chế độ ốm đau	=	75%* Lương tháng đóng BHXH liền trước*Số tháng được hưởng
Từ ngày 181 (tối đa = tổng thời gian tham gia BHXH)	Thời gian tham gia BHXH <15 năm	Mức hưởng chế độ ốm đau	=	50%* Lương tháng đóng BHXH liền trước*Số tháng được hưởng
	15 năm < Thời gian tham gia BHXH < 30 năm	Mức hưởng chế độ ốm đau	=	55%* Lương tháng đóng BHXH liền trước*Số tháng được hưởng
	Thời gian tham gia BHXH >= 30 năm	Mức hưởng chế độ ốm đau	=	65%* Lương tháng đóng BHXH liền trước*Số tháng được hưởng

- Thời hạn nộp hồ sơ: 45 ngày kể từ ngày quay lại làm việc

CHẾ ĐỘ THAI SẢN

- Đối tượng:** NLD đã đóng BHXH từ đủ **6 tháng** trong vòng 12 tháng trước khi sinh/nhận con nuôi

Lao động nữ

- Mang thai
- Sinh con
- Nhận con nuôi dưới 6 tháng tuổi
- Thực hiện biện pháp đặt vòng hoặc triệt sản
- Mang thai hộ & nhờ mang thai hộ

Lao động Nam

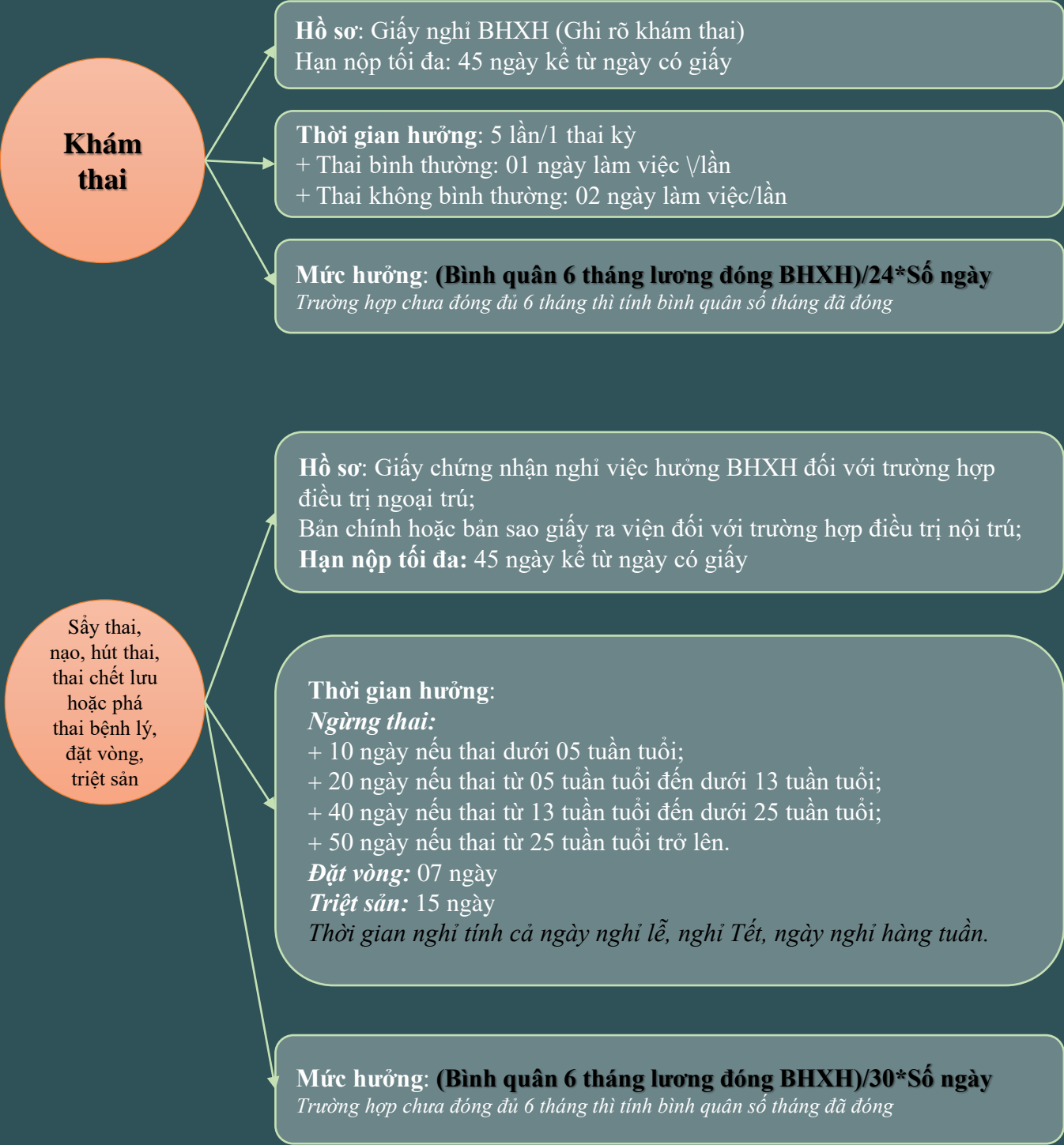
- Có vợ sinh con
- Nhận con nuôi dưới 6 tháng tuổi

- Hồ sơ hưởng:**

Trường hợp	Hồ sơ
Nhận con nuôi	Giấy chứng nhận nuôi con nuôi
Lao động Nam nghỉ việc khi vợ sinh con	Bản sao giấy chứng sinh hoặc bản sao giấy khai sinh của con; Giấy xác nhận của cơ sở y tế đối với trường hợp sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi.
Khám thai, Các trường hợp nạo, phá, sảy thai Thực hiện biện pháp tránh thai y học	Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH đối với trường hợp điều trị ngoại trú; Bản chính hoặc bản sao giấy ra viện đối với trường hợp điều trị nội trú;
Nghỉ dưỡng thai/	Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền về việc lao động nữ phải nghỉ việc để dưỡng thai.
Mẹ/con mất khi sinh	Bản sao giấy chứng tử của con trong trường hợp con chết (Hoặc trích bệnh án khi con mất ngay khi ra đời – không làm được giấy chứng tử/chứng sinh) Bản sao giấy chứng tử của mẹ trong trường hợp sau khi sinh con mà mẹ chết;
Nghỉ dưỡng sức sau thai sản	Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền về tình trạng người mẹ sau khi sinh con mà không còn đủ sức khỏe để chăm sóc con;

CHẾ ĐỘ THAI SẢN

• Lao động nữ:



CHẾ ĐỘ THAI SẢN

• Lao động nữ:

Nghỉ trước sinh

Hồ sơ:

Trường hợp nghỉ trước sinh ≤ 2 tháng: Thủ tục xin nghỉ của Công ty.

Trường hợp nghỉ trước sinh > 2 tháng: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền về việc lao động nữ phải nghỉ việc để dưỡng thai.

Hạn nộp tối đa: 45 ngày kể từ ngày có giấy

Thời gian hưởng: Tối đa 02 tháng

Điều kiện hưởng nếu nghỉ > 2 tháng: NLD đã đóng đủ 3 tháng trong 12 tháng trước thời điểm sinh (Ngày sinh trước ngày 15 thì tính tháng liền trước, ngày sinh sau ngày 15 thì tính theo tháng sinh)

Mức hưởng: (Bình quân 6 tháng lương đóng BHXH)*Số tháng

Trường hợp chưa đóng đủ 6 tháng thì tính bình quân số tháng đã đóng

Hồ sơ:

Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh hoặc bản sao giấy chứng sinh của con.

Hạn nộp tối đa: 45 ngày kể từ ngày có giấy

Thời gian hưởng: Tối đa 6 tháng (bao gồm thời gian dưỡng thai trước sinh)

Sinh đôi trở lên thì mỗi con được +01 tháng

Thời gian nghỉ tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần.

Mức hưởng:

+ Bảo hiểm thai sản = **(Bình quân 6 tháng lương đóng BHXH)*Số tháng**

Trường hợp chưa đóng đủ 6 tháng thì tính bình quân số tháng đã đóng

+ Trợ cấp thai sản = **Lương cơ bản vùng đóng BHXH *2**

Sinh con/nhận con nuôi

CHẾ ĐỘ THAI SẢN

• Lao động nữ:

Con mất/mẹ mất khi sinh

Hồ sơ:

Bản sao giấy báo tử của con hoặc trích lục bệnh án chứng tử/khai tử
Bản sao giấy báo tử/khai tử của lao động nữ
Bản chính xác nhận không đủ sức khỏe nuôi con của lao động nữ

Hạn nộp tối đa: 45 ngày kể từ ngày có giấy

Thời gian hưởng:

+ Con mất ≤ 2 tháng: Tối đa 04 tháng (kể từ ngày sinh)

+ Con mất > 2 tháng: Tối đa 02 tháng (Kể từ ngày con mất)

+ Mẹ mất/không đủ điều kiện chăm con:

- Cha được hưởng chế độ còn lại của mẹ.

- Trường hợp mẹ không đủ điều kiện mà cha có tham gia BHXH thì được hưởng chế độ đến khi con đủ 06 tháng tuổi.

Thời gian nghỉ tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần

Mức hưởng:

+ Bảo hiểm thai sản = **(Bình quân 6 tháng lương đóng BHXH)*Số tháng**

Trường hợp chưa đóng đủ 6 tháng thì tính bình quân số tháng đã đóng

+ Trợ cấp thai sản = **Lương cơ bản vùng đóng BHXH *2**

Dưỡng sức sau sinh

Hồ sơ:

- Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền về việc lao động nữ phải nghỉ việc để phục hồi sức khỏe.

- Lao động nữ đã nghỉ hết 06 tháng thai sản

Hạn nộp tối đa: Từ ngày đi làm lại

Thời gian hưởng:

- Tối đa 10 ngày nếu sinh một lần từ hai con trở lên;

- Tối đa 07 ngày nếu sinh mổ;

- Tối đa 05 ngày với các trường hợp khác.

Thời gian nghỉ tính cả ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ hàng tuần.

Mức hưởng: 30% mức lương cơ sở vùng đóng BHXH*Số ngày

CHẾ ĐỘ THAI SẢN

• Lao động nữ:

Mang thai hộ

Hồ sơ:

Tương tự lao động nữ trực tiếp mang thai

Thỏa thuận mang thai hộ

Hạn nộp tối đa: 45 ngày kể từ ngày có giấy

Thời gian hưởng:

Tương tự các trường hợp lao động nữ trực tiếp mang thai

Mức hưởng:

Tương tự các trường hợp lao động nữ trực tiếp mang thai

• Lao động nam:

Vợ sinh con

Hồ sơ:

Bản sao giấy khai sinh hoặc trích lục khai sinh hoặc bản sao giấy chứng sinh của con.

Hạn nộp tối đa: 30 ngày kể từ ngày có giấy

Thời gian hưởng: (Trong vòng 30 ngày kể từ ngày vợ sinh)

+ 05 ngày làm việc nếu vợ sinh thường;

+ 07 ngày làm việc khi vợ sinh con phải phẫu thuật, sinh con dưới 32 tuần tuổi;

+ 10 ngày làm việc trong trường hợp vợ sinh đôi, từ sinh ba trở lên thì cứ thêm mỗi con được nghỉ thêm 03 ngày làm việc;

+ 14 ngày làm việc trong trường hợp vợ sinh đôi trở lên mà phải phẫu thuật.

Mức hưởng:

Mức hưởng thai sản = **(Bình quân 6 tháng lương đóng BHXH)/24*Số ngày**

Trợ cấp thai sản (Trường hợp vợ mất/vợ không tham gia BHXH)=

Lương cơ bản vùng đóng BHXH *2

CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP

- **Đối tượng:**



Đã ký HĐLĐ



Có HĐLĐ – Lao
động vị thành niên

Đáp ứng đồng thời:

Điều kiện 1: Một trong các trường hợp sau

- Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc
- Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động (trường hợp này yêu cầu vẫn bản theo yêu cầu từ đơn vị)
- Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.
- Bị bệnh nghề nghiệp thuộc Danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành (Danh mục)

Điều kiện 2: Suy giảm từ 5% sức lao động trở lên (Theo giám định)

Điều kiện 3: Đang tham gia BHXH - BHTNLĐ

- **Hồ sơ: Nộp trong 30 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn/phát hiện bệnh**

1. Tai nạn lao động

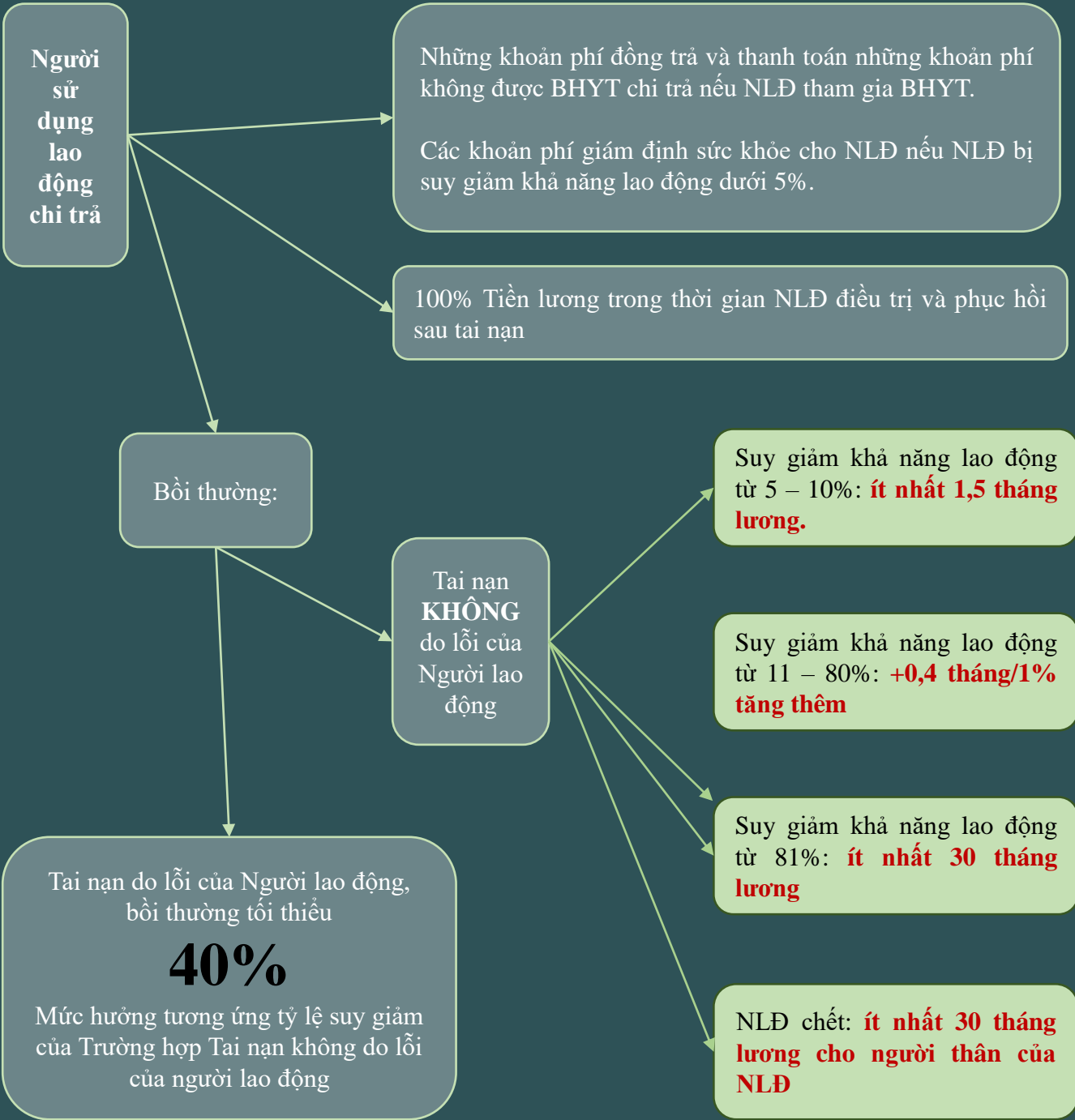
- Sổ bảo hiểm xã hội.
- Biên bản hiện trường nơi xảy ra TNLD.
- Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi đã điều trị tai nạn lao động đối với trường hợp nội trú.
- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa.

2. Bệnh nghề nghiệp

- Sổ bảo hiểm xã hội.
- Giấy ra viện hoặc trích sao hồ sơ bệnh án sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp; trường hợp điều trị ngoại trú thì phải có giấy khám bệnh nghề nghiệp.
- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng giám định y khoa; trường hợp bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp thì thay bằng Giấy chứng nhận bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.

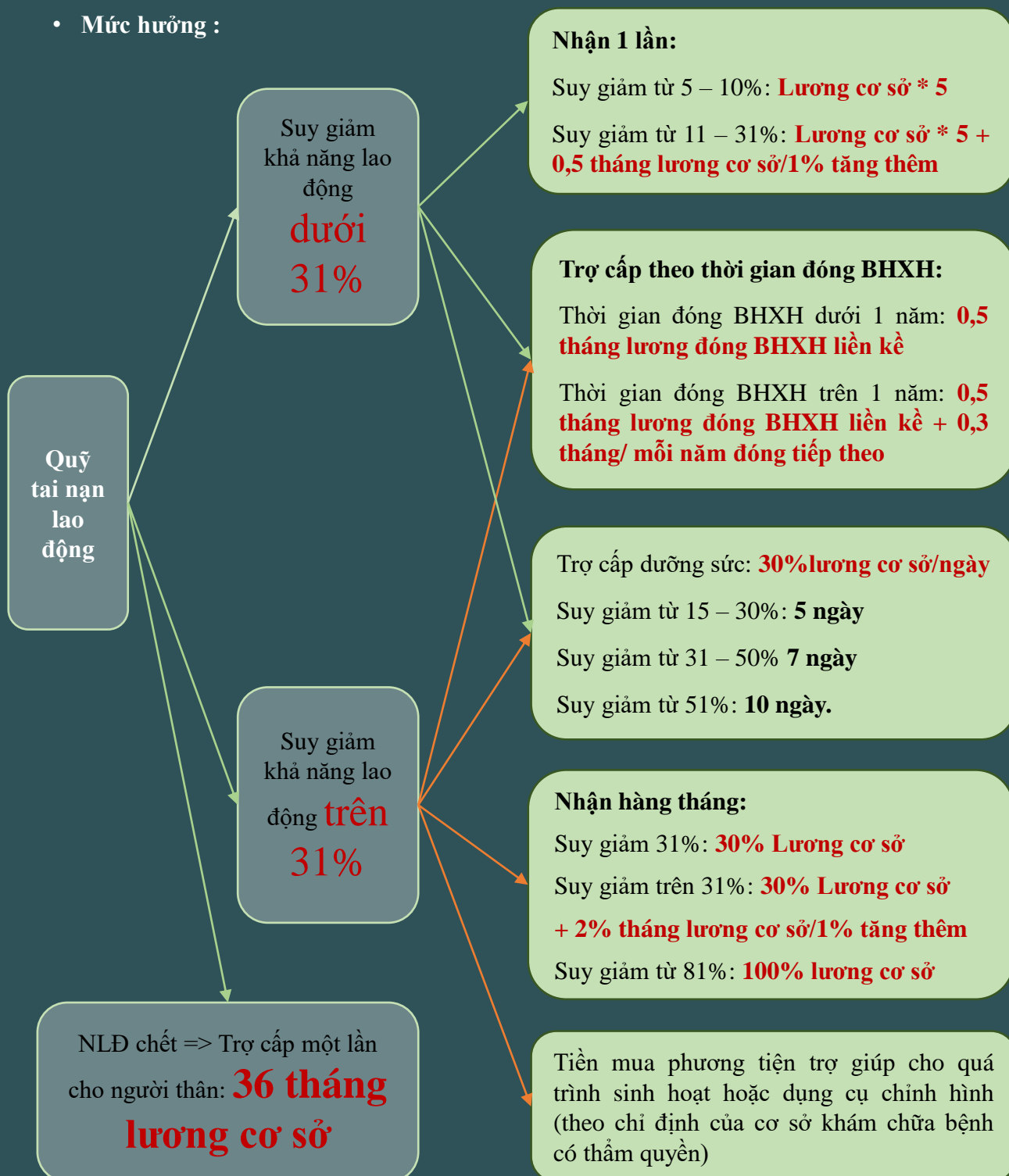
CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP

• **Mức hưởng Tai nạn lao động:**



CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP

- Mức hưởng :



CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

• Đối tượng:



Thời gian
tham gia
BHXH từ
đủ 20 năm

Nếu chưa đủ 20 năm:

- Được đóng 1 lần số năm còn thiếu
- Tiếp tục tham gia BHXH đến khi đủ

Nam 62 tuổi - Tính từ năm 2028, thời gian trước mỗi năm trừ đi 3 tháng tuổi

Nữ 60 tuổi - Tính từ năm 2035, thời gian trước mỗi năm trừ đi 4 tháng tuổi

Tuổi được
hưởng
lương hưu

Nghỉ sớm tối đa **10 tuổi** so với tuổi hưu năm đó

Đủ 15 năm làm khai thác hầm, lò

Không quy định độ tuổi

Nhiễm HIV do TNLD

Nghỉ sớm tối đa **05 tuổi** so với tuổi hưu năm đó

Suy giảm 61% + Đủ 15 năm làm nghề nặng nhọc độc hại



Đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục.

Suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên

Đủ 15 năm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (Danh mục)

CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

- Hồ sơ: Thời hạn nộp 30 ngày kể từ ngày NLD được hưởng chế độ hưu trí

Hồ sơ bắt buộc

Bản chính Sổ BHXH

Quyết định nghỉ việc hưởng BHXH (Công ty cung cấp)

Hồ sơ theo TH đặc thù (một trong số các hồ sơ sau)

Bản chính Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động (KNLĐ) của Hội đồng Giám định Y Khoa (GĐYK)

Bản sao giấy chứng nhận bị nhiễm HIV/AIDS do tai nạn rủi ro nghề nghiệp

Bản chính Giấy xác nhận Người Lao động thuộc đối tượng nghề nghiệp/ khu vực được giảm tuổi hưu

- Thời hạn nộp hồ sơ: 30 ngày kể từ ngày NLD được hưởng chế độ hưu trí
- Lưu ý:
 - NLD có thể nghỉ hưu trên hơn tối đa 5 năm (thỏa thuận với người sử dụng lao động)
 - Sau khi nghỉ hưu, NLD vẫn có thể tham gia làm việc (HDLĐ có thời hạn, không giới hạn số lần gia hạn HDLĐ)
- Chế độ hưởng:

Đóng từ 20 – 35 năm

- Lương hưu hàng tháng

Đóng trên 35 năm

- Lương hưu hàng tháng
- Chế độ trợ cấp hưu trí 1 lần

CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ

- **Mức hưởng:**

- Tổng thời gian đóng BHXH ≤ 35 năm:

Mức hưởng	=	Tổng mức lương tham gia bảo hiểm	*	Tỷ lệ tương ứng tổng thời gian tham gia BHXH	
		Tổng số tháng tham gia bảo hiểm			
Nếu NLĐ đã hưởng BHXH 1 lần thì tính kể từ thời điểm tham gia mới (không tính thời gian đã hưởng BHXH 1 lần)			Chưa đủ 20 năm (Mỗi năm – 2%)	0 – 43%	
			Đủ 20 năm	45%	
			Từ 21 – 35 năm (Mỗi năm + 2%)	47% – 75%	
Đối với trường hợp chưa đủ tuổi hưởng (nghỉ hưu sớm) & trường hợp chưa đủ yêu cầu về giám định y khoa thì tỷ lệ hưởng được khấu trừ theo quyết định của BHXH (tỷ lệ hưởng tối đa 75%)					

- Tổng thời gian đóng BHXH > 35 năm:

- Lương hưu tương tự với khoảng thời gian 35 năm đóng BHXH
- Trợ cấp hưu trí 1 lần với khoảng thời gian còn lại

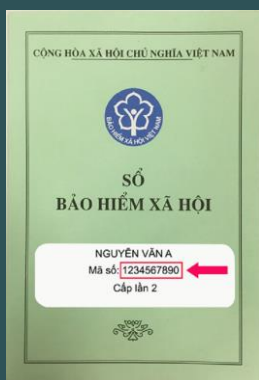
Mức hưởng	=	0.5 * (Số năm đóng BHXH – 35)	*	Tổng mức lương tham gia bảo hiểm
				Tổng số tháng tham gia bảo hiểm

- Hưởng BHXH 1 lần trong trường hợp ra nước ngoài định cư:

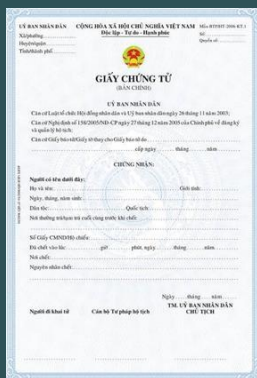
Mức hưởng	=	Hệ số hưởng					*	Lương hưu đang hưởng
		(1.5* Số năm đóng BHXH trước 2014	+	2* Số năm đóng BHXH từ 2014	-	0.5* Số tháng đã hưởng lương hưu)		
Mức hưởng thấp nhất bằng 3 tháng lương hưu								

CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT

- **Đối tượng:** Đã tham gia BHXH từ đủ 12 tháng
 - ✓ NLĐ đang làm việc tại Doanh nghiệp
 - ✓ NLĐ lớn tuổi (đang nhận lương hưu)
 - ✓ Qua đời vì TNLĐ - BNN hoặc đang điều trị TNLĐ -BNN
- **Hồ sơ hưởng:**



Sổ BHXH



Giấy chứng tử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI CỦA THÂN NHÂN

Mẫu số 09A-HSB

I. Họ và tên người khai (1): _____; sinh ngày ____/____/____; Nam/Nữ ____; Quan hệ với người chết: _____
Nơi cư trú: _____; Số CMT/hộ chiếu/thẻ căn cước ____ cấp ngày ____/____/____; số định danh (nếu có): _____
II. Họ và tên người chết: _____; số sổ BHXH/sổ hồ sơ ____; chết ngày ____/____/____
Nơi hưởng lương hưu/trợ cấp BHXH (đối với người đang hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng) hoặc đơn vị công tác (đối với người đang làm việc), nơi cư trú (đối với người báo lao thời gian đóng BHXH), nơi đóng BHXH (đối với người đang đóng BHXH tự nguyện, trợ cấp tiếp BHXH bắt buộc) trước khi chết: _____

III. Danh sách và số nghi của người chết

1. Danh sách thân nhân của người chết (2): con, vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ hoặc cha chồng, mẹ vợ hoặc mẹ chồng; thành viên khác trong gia đình mà người tham gia BHXH khi còn sống có trách nhiệm nuôi dưỡng

Số TT	Họ và tên	Mối quan hệ với người chết	Ngày, tháng, năm sinh	Địa chỉ nơi cư trú (ghi cụ thể số nhà, phố, số, thôn, xã/phường/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố)	- Số định danh (nếu có) hoặc -Số CMT/hộ chiếu/thẻ căn cước (nếu chưa có số định danh (3))	Mức thu nhập hằng tháng từ người thu nhập (4)	Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động (5)	Du điều kiện hưởng trợ cấp hằng tháng (6)
1								
2	Lê Văn A	Cha đẻ	Không	Đã chết tháng 5/2000	Không	Không	Không	Không
...					Không có không báo hoặc	Hưu, trợ cấp, Thu nhập khác (có thể)	81%	TĐBN

Mẫu số 09A-HSB:
Tờ khai của thân nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
BIÊN BẢN HỢP CỦA CÁC THÂN NHÂN

Về việc lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần, trừ trường hợp con dưới 6 tuổi, con hoặc vợ hoặc chồng bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên

Hôm nay, vào hồi ____ giờ ____ phút, ngày ____ tháng ____ năm ____ tại _____
Chúng tôi gồm các thân nhân đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng của ông (bà) ____ (1)____, số sổ BHXH/sổ hồ sơ ____ chết ngày ____/____/____, có tên sau đây:

1. Ông (Bà) ____ Nam/Nữ, sinh ngày ____/____/____; là (2)____;
Người đại diện hợp pháp (nếu có): ____ (3)____
2. Ông (Bà) ____ Nam/Nữ, sinh ngày ____/____/____; là (2)____

Tiến hành họp để thống nhất việc lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần, sau khi nghiên cứu kỹ quy định của chính sách về chế độ tử tuất và khoản 3 Điều 69 Luật BHXH năm 2014, chúng tôi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp tuất hằng tháng nhưng thống nhất lựa chọn hưởng trợ cấp tuất một lần và tự nguyện cho ông (bà) ____ (4)____, Số chứng minh thư/hộ chiếu/thẻ căn cước ____ thay mặt cho chúng tôi lập tờ khai của thân nhân theo Mẫu số 09A-HSB và nhận tiền trợ cấp tuất một lần. Đề nghị cơ quan BHXH ____ xét, giải quyết trợ cấp tuất một lần.

Mẫu 16-HSB - Biên bản họp
của các thân nhân

Hồ sơ khác:

- **Trường hợp mất do Tai nạn lao động:** Biên bản Điều tra TNLĐ
- **Trường hợp mất do Bệnh nghề nghiệp:** Bệnh án Điều trị BNN đối với trường hợp chết do BNN.
- **Trường hợp thân nhân thuộc chế độ suy giảm khả năng lao động:**
 - Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động
 - Giấy xác nhận khuyết tật mức độ đặc biệt nặng

CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT

• Chế độ hưởng:

